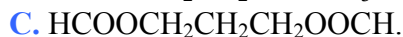
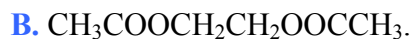
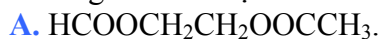


Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

ĐỀ THI GỒM 50 CÂU (TỪ CÂU 1 ĐẾN CÂU 50) DÀNH CHO TẤT CẢ THÍ SINH.

Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố:

H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; P = 31; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Fe = 56;
Cu = 64; Ag = 108; Ba = 137.**Câu 1:** Thủy phân hoàn toàn 0,1 mol este X bằng NaOH, thu được một muối của axit cacboxylic Y và 7,6 gam ancol Z. Chất Y có phản ứng tráng bạc, Z hoà tan được $\text{Cu}(\text{OH})_2$ cho dung dịch màu xanh lam. Công thức cấu tạo của X là**Câu 2:** Trái cây được bảo quản lâu hơn trong môi trường vô trùng. Trong thực tế, người ta sử dụng nước ozon để bảo quản trái cây. Ứng dụng trên dựa vào tính chất nào sau đây?

A. Ozon là chất khí có mùi đặc trưng.

B. Ozon là chất có tính oxi hoá mạnh.

C. Ozon không tác dụng được với nước.

D. Ozon tro về mặt hoá học.

Câu 3: Một bình kín chỉ chứa các chất sau: axetilen (0,5 mol), vinylaxetilen (0,4 mol), hiđro (0,65 mol) và một ít bột niken. Nung nóng bình một thời gian, thu được hỗn hợp khí X có tỉ khối so với H_2 bằng 19,5. Khí X phản ứng vừa đủ với 0,7 mol AgNO_3 trong dung dịch NH_3 , thu được m gam kết tủa và 10,08 lít hỗn hợp khí Y (đktc). Khí Y phản ứng tối đa với 0,55 mol Br_2 trong dung dịch. Giá trị của m là

A. 76,1.

B. 75,9.

C. 91,8.

D. 92,0.

Câu 4: Nung nóng bình kín chứa a mol hỗn hợp NH_3 và O_2 (có xúc tác Pt) để chuyển toàn bộ NH_3 thành NO. Làm nguội và thêm nước vào bình, lắc đều thu được 1 lít dung dịch HNO_3 có pH = 1, còn lại 0,25a mol khí O_2 . Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của a là

A. 0,1.

B. 0,2.

C. 0,4.

D. 0,3.

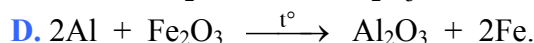
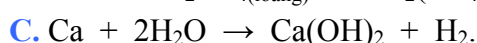
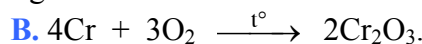
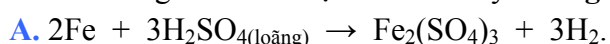
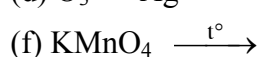
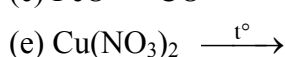
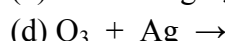
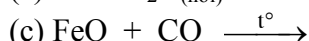
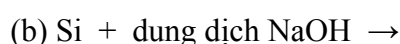
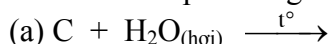
Câu 5: Cho 3,48 gam bột Mg tan hết trong dung dịch hỗn hợp gồm HCl (dư) và KNO_3 , thu được dung dịch X chứa m gam muối và 0,56 lít (đktc) hỗn hợp khí Y gồm N_2 và H_2 . Khí Y có tỉ khối so với H_2 bằng 11,4. Giá trị của m là

A. 18,035.

B. 18,300.

C. 16,085.

D. 14,485.

Câu 6: Phương trình hóa học nào sau đây **không** đúng?**Câu 7:** Cho các phản ứng sau:

Số phản ứng sinh ra đơn chất là

A. 6.

B. 5.

C. 3.

D. 4.

Câu 8: Thực hiện phản ứng sau trong bình kín: $\text{H}_2(k) + \text{Br}_2(k) \rightarrow 2\text{HBr}(k)$.Lúc đầu nồng độ hơi Br_2 là 0,072 mol/l. Sau 2 phút, nồng độ hơi Br_2 còn lại là 0,048 mol/l. Tốc độ trung bình của phản ứng tính theo Br_2 trong khoảng thời gian trên làA. $6 \cdot 10^{-4}$ mol/(l.s).B. $8 \cdot 10^{-4}$ mol/(l.s).C. $2 \cdot 10^{-4}$ mol/(l.s).D. $4 \cdot 10^{-4}$ mol/(l.s).

Câu 9: Hỗn hợp X gồm ba peptit đều mạch hở có tỉ lệ mol tương ứng là 1 : 1 : 3. Thủy phân hoàn toàn m gam X, thu được hỗn hợp sản phẩm gồm 14,24 gam alanin và 8,19 gam valin. Biết tổng số liên kết peptit trong phân tử của ba peptit trong X nhỏ hơn 13. Giá trị của m là

- A. 19,19. B. 18,47. C. 18,29. D. 18,83.

Câu 10: Trong công nghiệp, để sản xuất axit H_3PO_4 có độ tinh khiết và nồng độ cao, người ta làm cách nào sau đây?

- A. Đốt cháy photpho trong oxi dư, cho sản phẩm tác dụng với nước.
B. Cho photpho tác dụng với dung dịch HNO_3 đặc, nóng.
C. Cho dung dịch axit H_2SO_4 đặc, nóng tác dụng với quặng photphorit.
D. Cho dung dịch axit H_2SO_4 đặc, nóng tác dụng với quặng apatit.

Câu 11: Kim loại nào sau đây tan hết trong nước dư ở nhiệt độ thường?

- A. Na. B. Al. C. Fe. D. Mg.

Câu 12: Cho các chất sau: etilen, axetilen, phenol (C_6H_5OH), buta-1,3-dien, toluen, anilin. Số chất làm mất màu nước brom ở điều kiện thường là

- A. 3. B. 4. C. 2. D. 5.

Câu 13: Glucozơ và fructozơ đều

- A. thuộc loại disaccarit. B. có phản ứng tráng bạc.
C. có công thức phân tử $C_6H_{10}O_5$. D. có nhóm $-CH=O$ trong phân tử.

Câu 14: Số đồng phân cấu tạo có công thức phân tử $C_8H_{10}O$, chứa vòng benzen, tác dụng được với Na, không tác dụng với dung dịch NaOH là

- A. 6. B. 5. C. 4. D. 3.

Câu 15: Trong phân tử propen có số liên kết xích ma (σ) là

- A. 9. B. 6. C. 7. D. 8.

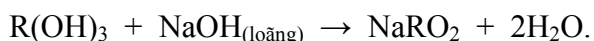
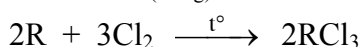
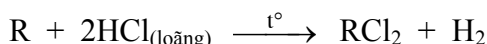
Câu 16: Poli(etylen terephtalat) được điều chế bằng phản ứng của axit terephtalic với chất nào sau đây?

- A. Ancol etylic. B. Glixerol. C. Etilen. D. Etylen glicol.

Câu 17: Chất X có công thức phân tử $C_6H_8O_4$. Cho 1 mol X phản ứng hết với dung dịch NaOH, thu được chất Y và 2 mol chất Z. Đun Z với dung dịch H_2SO_4 đặc, thu được dimetyl ete. Chất Y phản ứng với dung dịch H_2SO_4 loãng (dư), thu được chất T. Cho T phản ứng với HBr, thu được hai sản phẩm là đồng phân cấu tạo của nhau. Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Chất Y có công thức phân tử $C_4H_4O_4Na_2$.
B. Chất Z làm mất màu nước brom.
C. Chất X phản ứng với H_2 (Ni, t°) theo tỉ lệ mol 1 : 3.
D. Chất T không có đồng phân hình học.

Câu 18: Cho sơ đồ phản ứng sau:



Kim loại R là

- A. Mg. B. Fe. C. Cr. D. Al.

Câu 19: Đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol một ancol đơn chức trong 0,7 mol O_2 (dư), thu được tổng số mol các khí và hơi bằng 1 mol. Khối lượng ancol ban đầu đem đốt cháy là

- A. 6,0 gam. B. 9,0 gam. C. 8,6 gam. D. 7,4 gam.

Câu 20: Có bao nhiêu tripeptit (mạch hở) khi thủy phân hoàn toàn đều thu được sản phẩm gồm alanin và glyxin?

- A. 6. B. 8. C. 5. D. 7.

Câu 21: Hỗn hợp X gồm hai muối R_2CO_3 và $RHCO_3$. Chia 44,7 gam X thành ba phần bằng nhau:

- Phần một tác dụng hoàn toàn với dung dịch $Ba(OH)_2$ dư, thu được 35,46 gam kết tủa.
- Phần hai tác dụng hoàn toàn với dung dịch $BaCl_2$ dư, thu được 7,88 gam kết tủa.
- Phần ba tác dụng tối đa với V ml dung dịch KOH 2M.

Giá trị của V là

- A. 200. B. 180. C. 70. D. 110.

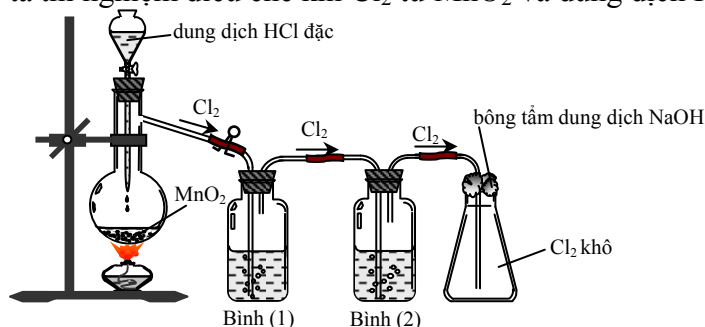
Câu 22: Ancol nào sau đây có số nguyên tử cacbon bằng số nhóm –OH?

- A. Propan-1,2-diol. B. Glixerol. C. Ancol etylic. D. Ancol benzylic.

Câu 23: Dung dịch axit acrylic ($\text{CH}_2=\text{CH}-\text{COOH}$) **không** phản ứng được với chất nào sau đây?

- A. NaOH. B. Br_2 . C. $\text{Mg}(\text{NO}_3)_2$. D. Na_2CO_3 .

Câu 24: Cho hình vẽ mô tả thí nghiệm điều chế khí Cl_2 từ MnO_2 và dung dịch HCl:



Khí Cl_2 sinh ra thường lẫn hơi nước và hiđro clorua. Để thu được khí Cl_2 khô thì bình (1) và bình (2) lần lượt đựng

- A. dung dịch H_2SO_4 đặc và dung dịch AgNO_3 . B. dung dịch NaCl và dung dịch H_2SO_4 đặc.
C. dung dịch H_2SO_4 đặc và dung dịch NaCl. D. dung dịch NaOH và dung dịch H_2SO_4 đặc.

Câu 25: Amino axit X trong phân tử chỉ chứa hai loại nhóm chức. Cho 0,1 mol X tác dụng vừa đủ với 0,2 mol NaOH, thu được 17,7 gam muối. Số nguyên tử hiđro trong phân tử X là

- A. 9. B. 6. C. 7. D. 8.

Câu 26: Trường hợp nào sau đây **không** tạo ra CH_3CHO ?

- A. Thủy phân $\text{CH}_3\text{COOCH}=\text{CH}_2$ bằng dung dịch KOH đun nóng.
B. Oxi hoá CH_3COOH .
C. Cho $\text{CH}\equiv\text{CH}$ cộng H_2O (t° , xúc tác $\text{HgSO}_4, \text{H}_2\text{SO}_4$).
D. Oxi hoá không hoàn toàn $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ bằng CuO đun nóng.

Câu 27: Cho X, Y, Z, T là các chất khác nhau trong số 4 chất: CH_3NH_2 , NH_3 , $\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$ (phenol), $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$ (anilin) và các tính chất được ghi trong bảng sau:

Chất	X	Y	Z	T
Nhiệt độ sôi ($^\circ\text{C}$)	182	184	-6,7	-33,4
pH (dung dịch nồng độ 0,001M)	6,48	7,82	10,81	10,12

Nhận xét nào sau đây đúng?

- A. T là $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$. B. X là NH_3 . C. Y là $\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$. D. Z là CH_3NH_2 .

Câu 28: Nung hỗn hợp gồm 0,12 mol Al và 0,04 mol Fe_3O_4 một thời gian, thu được hỗn hợp rắn X. Hoà tan hoàn toàn X trong dung dịch HCl dư, thu được 0,15 mol khí H_2 và m gam muối. Giá trị của m là

- A. 31,97. B. 34,10. C. 33,39. D. 32,58.

Câu 29: Trùng hợp hidrocacbon nào sau đây tạo ra polime dùng để sản xuất cao su buna?

- A. Buta-1,3-đien. B. Penta-1,3-đien.
C. 2-metylbuta-1,3-đien. D. But-2-en.

Câu 30: Cho muối X tác dụng với dung dịch NaOH dư, thu được dung dịch chứa hai chất tan. Mặt khác, cho a gam dung dịch muối X tác dụng với a gam dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$, thu được 2a gam dung dịch Y. Công thức của X là

- A. KHSO_3 . B. KHS. C. NaHS. D. NaHSO_4 .

Câu 31: Hòa tan hết 10,24 gam hỗn hợp X gồm Fe và Fe_3O_4 bằng dung dịch chứa 0,1 mol H_2SO_4 và 0,5 mol HNO_3 , thu được dung dịch Y và hỗn hợp gồm 0,1 mol NO và a mol NO_2 (không còn sản phẩm khử nào khác). Chia dung dịch Y thành hai phần bằng nhau:

- Phần một tác dụng với 500 ml dung dịch KOH 0,4M, thu được 5,35 gam một chất kết tủa.
- Phần hai tác dụng với dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$ dư, thu được m gam kết tủa.

Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của m là

- A. 20,62. B. 41,24. C. 20,21. D. 31,86.

Câu 32: Ion X^{2+} có cấu hình electron ở trạng thái cơ bản $1s^2 2s^2 2p^6$. Nguyên tố X là
A. Ne ($Z=10$). B. O ($Z=8$). C. Na ($Z=11$). D. Mg ($Z=12$).

Câu 33: Nung nóng hỗn hợp bột X gồm a mol Fe và b mol S trong khí trơ, hiệu suất phản ứng bằng 50%, thu được hỗn hợp rắn Y. Cho Y vào dung dịch HCl dư, sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được hỗn hợp khí Z có tỉ khối so với H_2 bằng 5. Tỉ lệ a : b bằng
A. 1 : 1. B. 3 : 1. C. 2 : 1. D. 3 : 2.

Câu 34: Dung dịch X gồm 0,1 mol K^+ ; 0,2 mol Mg^{2+} ; 0,1 mol Na^+ ; 0,2 mol Cl^- và a mol Y^{2-} . Cô cạn dung dịch X, thu được m gam muối khan. Ion Y^{2-} và giá trị của m là
A. CO_3^{2-} và 30,1. B. SO_4^{2-} và 56,5. C. CO_3^{2-} và 42,1. D. SO_4^{2-} và 37,3.

Câu 35: Cho bột Fe vào dung dịch $AgNO_3$ dư, sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được dung dịch gồm các chất tan:
A. $Fe(NO_3)_2$, $Fe(NO_3)_3$. B. $Fe(NO_3)_2$, $AgNO_3$.
C. $Fe(NO_3)_3$, $AgNO_3$. D. $Fe(NO_3)_2$, $AgNO_3$, $Fe(NO_3)_3$.

Câu 36: Andehit axetic thể hiện tính oxi hoá trong phản ứng nào sau đây?
A. $CH_3CHO + H_2 \xrightarrow{Ni, t^0} CH_3CH_2OH$.
B. $CH_3CHO + 2AgNO_3 + 3NH_3 + H_2O \xrightarrow{t^0} CH_3COONH_4 + 2NH_4NO_3 + 2Ag$.
C. $2CH_3CHO + 5O_2 \xrightarrow{t^0} 4CO_2 + 4H_2O$.
D. $CH_3CHO + Br_2 + H_2O \longrightarrow CH_3COOH + 2HBr$.

Câu 37: Cho phản ứng: $SO_2 + KMnO_4 + H_2O \rightarrow K_2SO_4 + MnSO_4 + H_2SO_4$.
Trong phương trình hóa học của phản ứng trên, khi hệ số của $KMnO_4$ là 2 thì hệ số của SO_2 là
A. 6. B. 5. C. 7. D. 4.

Câu 38: Chia 20,8 gam hỗn hợp gồm hai andehit đơn chức là đồng đẳng kế tiếp thành hai phần bằng nhau:
- Phần một tác dụng hoàn toàn với lượng dư dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 đun nóng, thu được 108 gam Ag.
- Phần hai tác dụng hoàn toàn với H_2 dư (xúc tác Ni, t^0), thu được hỗn hợp X gồm hai ancol Y và Z ($M_Y < M_Z$). Đun nóng X với H_2SO_4 đặc ở $140^\circ C$, thu được 4,52 gam hỗn hợp ba ete. Biết hiệu suất phản ứng tạo ete của Y bằng 50%.

Hiệu suất phản ứng tạo ete của Z bằng
A. 40%. B. 30%. C. 50%. D. 60%.

Câu 39: Cho phản ứng hóa học: $NaOH + HCl \rightarrow NaCl + H_2O$.
Phản ứng hóa học nào sau đây có cùng phương trình ion thu gọn với phản ứng trên?
A. $2KOH + FeCl_2 \rightarrow Fe(OH)_2 + 2KCl$.
B. $NaOH + NaHCO_3 \rightarrow Na_2CO_3 + H_2O$.
C. $KOH + HNO_3 \rightarrow KNO_3 + H_2O$.
D. $NaOH + NH_4Cl \rightarrow NaCl + NH_3 + H_2O$.

Câu 40: Tiến hành các thí nghiệm sau:
(a) Cho dung dịch NH_3 vào dung dịch $BaCl_2$.
(b) Sục khí SO_2 vào dung dịch H_2S .
(c) Cho dung dịch $AgNO_3$ vào dung dịch H_3PO_4 .
(d) Cho dung dịch $AgNO_3$ vào dung dịch HCl.
(e) Cho dung dịch $AgNO_3$ vào dung dịch HF.

Sau khi kết thúc thí nghiệm, số trường hợp thu được kết tủa là
A. 3. B. 2. C. 5. D. 4.

Câu 41: Hai nguyên tố X và Y cùng một chu kì trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học, X thuộc nhóm IIA, Y thuộc nhóm IIIA ($Z_X + Z_Y = 51$). Phát biểu nào sau đây đúng?
A. Ở nhiệt độ thường X không khử được H_2O .
B. Trong nguyên tử nguyên tố X có 25 proton.
C. Kim loại X không khử được ion Cu^{2+} trong dung dịch.
D. Hợp chất với oxi của X có dạng X_2O_7 .

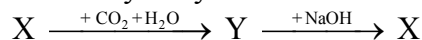
Câu 42: Hai este X, Y có cùng công thức phân tử $C_8H_8O_2$ và chứa vòng benzen trong phân tử. Cho 6,8 gam hỗn hợp gồm X và Y tác dụng với dung dịch NaOH dư, đun nóng, lượng NaOH phản ứng tối đa là 0,06 mol, thu được dung dịch Z chứa 4,7 gam ba muối. Khối lượng muối của axit cacboxylic có phân tử khối lớn hơn trong Z là

- A. 2,72 gam. B. 0,82 gam. C. 3,40 gam. D. 0,68 gam.

Câu 43: Đốt cháy hoàn toàn 0,2 mol hỗn hợp X gồm một ankan và một anken, thu được 0,35 mol CO_2 và 0,4 mol H_2O . Phần trăm số mol của anken trong X là

- A. 50%. B. 40%. C. 25%. D. 75%.

Câu 44: Cho dãy chuyển hoá sau:



Công thức của X là

- A. NaOH. B. Na_2CO_3 . C. Na_2O . D. $NaHCO_3$.

Câu 45: Axit nào sau đây là axit béo?

- A. Axit glutamic. B. Axit stearic. C. Axit axetic. D. Axit adipic.

Câu 46: Hỗn hợp X gồm chất Y ($C_2H_8N_2O_4$) và chất Z ($C_4H_8N_2O_3$); trong đó, Y là muối của axit đa chức, Z là dipeptit mạch hở. Cho 25,6 gam X tác dụng với dung dịch NaOH dư, đun nóng, thu được 0,2 mol khí. Mặt khác 25,6 gam X tác dụng với dung dịch HCl dư, thu được m gam chất hữu cơ. Giá trị của m là

- A. 16,95. B. 31,30. C. 23,80. D. 20,15.

Câu 47: Cho hỗn hợp X gồm Al và Mg tác dụng với 1 lít dung dịch gồm $AgNO_3$ a mol/l và $Cu(NO_3)_2$ 2a mol/l, thu được 45,2 gam chất rắn Y. Cho Y tác dụng với dung dịch H_2SO_4 đặc, nóng (dư), thu được 7,84 lít khí SO_2 (ở đktc, là sản phẩm khử duy nhất). Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của a là

- A. 0,30. B. 0,20. C. 0,25. D. 0,15.

Câu 48: Các dung dịch nào sau đây đều tác dụng với Al_2O_3 ?

- A. HNO_3 , KNO_3 . B. Na_2SO_4 , HNO_3 . C. NaCl, NaOH. D. HCl, NaOH.

Câu 49: Cho m gam P_2O_5 tác dụng với 253,5 ml dung dịch NaOH 2M, sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được dung dịch X. Cô cạn dung dịch X, thu được 3m gam chất rắn khan. Giá trị của m là

- A. 8,52. B. 21,30. C. 12,78. D. 7,81.

Câu 50: Hấp thụ hoàn toàn 3,36 lít khí CO_2 (đktc) vào dung dịch chứa 0,15 mol NaOH và 0,1 mol $Ba(OH)_2$, thu được m gam kết tủa. Giá trị của m là

- A. 29,550. B. 14,775. C. 19,700. D. 9,850.

----- HẾT -----